

vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ảnh kịp thời về Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Y tế
Thứ trưởng

LÊ NGỌC TRỌNG

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thứ trưởng

LÊ VŨ HÙNG

**TÀI CHÍNH - KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**THÔNG TƯ liên tịch số 45/2001/TTLT-
BTC-BKHCNMT ngày 18/6/2001
hướng dẫn một số chế độ chi
tiêu đối với các nhiệm vụ khoa
học và công nghệ.**

Thực hiện Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán

ngân sách nhà nước, Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ.

Để thống nhất quản lý chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn một số chế độ chi tiêu như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI
ÁP DỤNG**

Thông tư liên tịch này quy định một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án) cấp Nhà nước, cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp.

II. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Các mức chi quy định tại Thông tư liên tịch này là mức tối đa, chủ nhiệm đề tài, dự án căn cứ vào khối lượng công việc, đề xuất với thủ trưởng đơn vị mức trả cho từng nội dung cụ thể.

Đối với các khoản chi không quy định tại Thông tư liên tịch này, được thực hiện theo quy định chung hiện hành.

CÁC NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Đơn vị: 1.000 đồng

Số thứ tự	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đề tài, dự án cấp Nhà nước	Đề tài, dự án cấp Bộ, tỉnh, thành phố	Ghi chú
I	Xác định và tuyển chọn đề tài, dự án				
1	Xây dựng đề cương chi tiết của đề tài, dự án	Đề cương	500 - 1.000	300 - 600	Được chấp nhận
2	Xây dựng đề cương tổng quát của chương trình	Đề cương	400 - 700	300 - 500	Được chấp nhận

3	Tư vấn xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tuyển chọn, xét duyệt đề cương: - Chủ tịch Hội đồng - Thành viên Hội đồng, thư ký - Đại biểu được mời tham dự - Bài nhận xét của phản biện Hội đồng xác định nhiệm vụ - Bài nhận xét của phản biện Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương - Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương	Buổi - - Đề tài, dự án Hồ sơ dự tuyển Hồ sơ dự tuyển	150 100 50 100 100 50	150 100 50 70 70 40	Thời gian 1 buổi vào khoảng 4 tiếng
II	Hoạt động nghiên cứu				
1	Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ, các giải pháp khoa học công nghệ	Chuyên đề	7.000 - 20.000	4.000 - 12.000	Theo phương thức hợp đồng
2	Nghiên cứu lý thuyết, khoa học xã hội	Chuyên đề	2.000 - 5.000	1.000 - 3.000	Theo phương thức hợp đồng
3	Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài	Báo cáo	300 - 600	200 - 400	
4	Lập mẫu phiếu điều tra (khoảng 30 chỉ tiêu):	Phiếu	200	150	Được duyệt
5	Cung cấp thông tin (khoảng 30 chỉ tiêu):	Phiếu	10	7	
6	Hội thảo khoa học - Người chủ trì hội thảo - Thành viên tham dự - Người báo cáo tham luận	Người/ buổi Bài viết	100 50 150	70 40 100	Trả tiền bài viết
III	Tổng kết nghiệm thu				
1	Báo cáo tổng kết nghiệm thu: - Đối với đề tài - Đối với dự án	Báo cáo Báo cáo	3.500 - 7.000 2.000 - 4.000	2.000 - 4.000 1.500 - 2.500	Hoàn chỉnh báo cáo
2	Chuyên gia phân tích, đánh giá chuyên đề, khảo nghiệm trước khi nghiệm thu đề tài	Bài viết	150 - 300	100 - 200	Tối đa 2 chuyên gia/ chuyên đề
3	Nghiệm thu cơ sở - Chủ tịch Hội đồng - Ủy viên, thư ký - Đại biểu được mời tham dự - Bài nhận xét của phản biện - Bài nhận xét của ủy viên	Buổi Buổi Buổi Bài viết Bài viết	150 100 50 200 100	100 70 40 150 70	Thời gian 1 buổi khoảng 4 tiếng Trả tiền bài nhận xét

4	Nghiệm thu chính thức				
	- Chủ tịch Hội đồng	Buổi	200	150	Thời gian 1 buổi khoảng 4 tiếng
	- Ủy viên, thư ký	Buổi	150	100	
	- Đại biểu được mời tham dự	Buổi	50	50	
	- Bài nhận xét của phản biện	Bài viết	300	200	
- Bài nhận xét của ủy viên	Bài viết	150	100		
5	Thù lao chủ nhiệm đề tài, dự án	Tháng	150	100	Số tháng hưởng theo đề cương được duyệt
IV	Quản lý đề tài, dự án	Đề tài, dự án/ năm	10.000	6.000	Hỗ trợ chi hoạt động bộ máy của đơn vị chủ trì

III. QUẢN LÝ VÀ THANH QUYẾT TOÁN

Công tác quản lý tài chính, thanh quyết toán kinh phí chỉ cho các chương trình, đề tài, dự án phải thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chế độ tài chính hiện hành và một số quy định dưới đây:

1. Thủ trưởng đơn vị, chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán đúng kinh phí thực tế chi cho từng đề tài, dự án.

2. Dự toán kinh phí được phê duyệt và phân bổ cho từng đề tài, dự án là mức tối đa để thực hiện đề tài, dự án đó. Khi kết thúc đề tài, dự án, phần kinh phí thực tế chi thấp hơn mức kinh phí được phê duyệt, đơn vị được sử dụng vào việc tăng cường cơ sở vật chất, chi cho những nhiệm vụ cấp bách, mới phát sinh của đơn vị.

3. Các khoản chi cho cá nhân khi tham gia hội thảo, họp Hội đồng khoa học để tư vấn, tuyển chọn, xét duyệt, nghiệm thu phải có danh sách và mức chi cụ thể cho các cá nhân dự họp, được thủ trưởng đơn vị xác nhận.

4. Đối với các khoản chi tính theo sản phẩm

nghiên cứu (công nghệ, chuyên đề, báo cáo tổng kết):

+ Trường hợp chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện: Thủ trưởng đơn vị xác nhận khối lượng công việc thực hiện.

+ Trường hợp thuê tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện: Thủ trưởng đơn vị, chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện việc ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân đó. Kết quả thực hiện các hợp đồng nghiên cứu, báo cáo theo chuyên đề phải được chủ nhiệm đề tài, dự án công nhận.

Chuyên đề nghiên cứu của từng đề tài, dự án phải thiết thực, phù hợp với các nội dung nghiên cứu được thể hiện trong đề cương nghiên cứu được duyệt.

5. Trường hợp mua vật tư phục vụ nghiên cứu khoa học, nếu không có hóa đơn theo quy định, thì phải có giấy biên nhận ghi rõ họ tên người bán, người mua, địa chỉ, mẫu mã, số lượng, giá cả và được thủ trưởng đơn vị đồng ý mới được thanh quyết toán.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành

sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư liên Bộ số 49/TC-KHCN ngày 01/7/1995 của liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chế độ chi tiêu đối với các hoạt động nghiên cứu triển khai. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học,
Công nghệ và Môi trường
Thủ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

QUYẾT ĐỊNH số 227/2001/QĐ-BKH
ngày 17/5/2001 ban hành Danh
mục vật tư xây dựng trong nước
đã sản xuất được.

BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31

tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài (sửa đổi);

Căn cứ Công văn số 1360/VPCP-QHQT của Văn phòng Chính phủ ngày 06 tháng 4 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Danh mục vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được để hướng dẫn thực hiện cụ thể quy định tại mục đ, khoản 1 Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ;

Sau khi có ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được để làm căn cứ phân biệt vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được để miễn thuế nhập khẩu khi nhập khẩu để tạo tài sản cố định của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các Bên hợp doanh được quy định tại mục đ, khoản 1 Điều 57 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ.

Điều 2. Vật tư xây dựng là các nguyên vật liệu đầu vào (không bao gồm máy móc, thiết bị công nghệ và vật tư sản xuất) để xây dựng các công trình hình thành tài sản cố định của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các Bên hợp doanh được quy định tại Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ.

Điều 3. Trong quá trình sử dụng Danh mục nếu có ý kiến không thống nhất giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp thì cơ quan hải quan phối hợp với các Sở Kế hoạch và Đầu tư địa phương xem xét để xử lý. Trường hợp còn